



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN_K.4911/02.06.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô A1, Khu CN Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Canon Việt Nam – Chi nhánh Tiên Sơn tại Số 12, đường TS 10, KCN Tiên Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 19/05/2023 Thời gian thử nghiệm : 19/05/2023 - 02/06/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 20:2009/ BTNMT
				AC1	
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	9.366	-
2	Toluene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)	750
3	Ethylbenzene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)	870
4	Naphthalene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)	150
5	Xylene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)	870
6	Methanol	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=1,5)	260
7	Cyclohexanon	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=1)	400

- Vị trí lấy mẫu:

- ACI: Mẫu khí thải tại ống thoát khí thải khu vực in lưới ASSY.

Tọa độ: 21°07'53.82"N, 106°00'14.63"E

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

- QCVN 20:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Lê Thị Hạnh



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN_K.4912/02.06.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô A1, Khu CN Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Canon Việt Nam – Chi nhánh Tiên Sơn tại Số 12, đường TS 10, KCN Tiên Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 19/05/2023 Thời gian thử nghiệm : 19/05/2023 - 02/06/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				PC1	Cột B	
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	7.584	-	-
2	Đồng và hợp chất của đồng	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,03)	10	-
3	Kẽm và hợp chất của kẽm	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)	30	-
4	Amyl Axetate	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=1)	-	525
5	Ethanol amine	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=1)	-	45

- Vị trí lấy mẫu:

- PCI: Mẫu khí thải tại ống thoát khí thải từ khu vực bản mạch điện tử 1.

Tọa độ: 21°07'50.99"N , 106°00'15.14"E

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Lê Thị Hạnh

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN_K.4913/02.06.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô A1, Khu CN Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Canon Việt Nam – Chi nhánh Tiên Sơn tại Số 12, đường TS 10, KCN Tiên Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 19/05/2023 Thời gian thử nghiệm : 19/05/2023 - 02/06/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				PC2	Cột B	
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	8.155	-	-
2	Đồng và hợp chất của đồng	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,03)	10	-
3	Kẽm và hợp chất của kẽm	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)	30	-
4	Amyl Axetate	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=1)	-	525
5	Ethanol amine	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=1)	-	45

- Vị trí lấy mẫu:

- PC2: Mẫu khí thải tại ống thoát khí thải từ khu vực bản mạch điện từ 2.

Tọa độ: 21°07'51.25"N, 106°00'15.14"E

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Lê Thị Hạnh

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
 2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
 3. (b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
 4. "-": Không quy định
 5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp
- Lần ban hành: 02 Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN_K.4914/02.06.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô A1, Khu CN Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Canon Việt Nam – Chi nhánh Tiên Sơn tại Số 12, đường TS 10, KCN Tiên Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 19/05/2023 Thời gian thử nghiệm : 19/05/2023 - 02/06/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				PC3	Cột B	
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	8.010	-	-
2	Đồng và hợp chất của đồng	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,03)	10	-
3	Kẽm và hợp chất của kẽm	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)	30	-
4	Amyl Axetate	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=1)	-	525
5	n-Hexane	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,13)	-	450
6	Ethanol amine	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=1)	★	45

- Vị trí lấy mẫu:

- PC3: Mẫu khí thải tại ống thoát khí thải từ khu vực bản mạch điện từ 3.

Tọa độ: 21°07'51.31"N, 106°00'15.14"E

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Lê Thị Hạnh



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN_K.4915/02.06.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô A1, Khu CN Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Canon Việt Nam – Chi nhánh Tiên Sơn tại Số 12, đường TS 10, KCN Tiên Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 19/05/2023 **Thời gian thử nghiệm** : 19/05/2023 - 02/06/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				PC4	Cột B
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	4.910	-
2	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	17	200

- **Vị trí lấy mẫu:**

- **PC4:** Mẫu khí thải tại ống thoát khí thải từ khu vực rửa dippallet.

Tọa độ: 21°07'51.24"N , 106°00'17.64"E

- **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Lê Thị Hạnh

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN_K.5428/13.06.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô A1, Khu CN Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Canon Việt Nam – Chi nhánh Tiên Sơn tại Số 12, đường TS 10, KCN Tiên Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 31/05/2023 **Thời gian thử nghiệm** : 31/05/2023 - 13/06/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				AC3	Cột B
1	Đồng và hợp chất của đồng	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,03)	10

- Vị trí lấy mẫu:

- AC3: Khí thải tại ống khí thải khu vực Assy workshop.

Tọa độ: 21°07'53.0"N, 106°00'09.01"E

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

Hà Nội, ngày 13 tháng 06 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

Lê Thị Hạnh

TL GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
 2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
 3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
 4. "-": Không quy định
 5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp
- Lần ban hành: 02 Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả				QCVN 19:2009 /BTNMT (Cột B)	QCVN 20:2009/ BTNMT
				MO1					
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB		
24	Etylamin*	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,3)				-	45
25	Etylen diamin*	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,2)				-	30
26	Etylen oxit*	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,3)				-	20
27	Formandehyt*	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,3)				-	20
28	Isopropylamin*	PD CEN/TS 13649:2014	µg/Nm ³	KPH (MDL=0,3)				-	12
29	Cyclohexanol*	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,2)				-	410

- Vị trí lấy mẫu:

- MOI: Mẫu khí thải tại ống thoát khí thải khu vực đúc nhựa.

Tọa độ: 21°07'51.81"N , 106°00'20.76"E

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

- ⁽¹⁾QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Chi nhánh Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi trường tại TP. Hồ Chí Minh - Vimcert 321);

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Lê Thị Hạnh

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: /hwww.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN_K.4916/02.06.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô A1, Khu CN Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Canon Việt Nam – Chi nhánh Tiên Sơn tại Số 12, đường TS 10, KCN Tiên Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 19/05/2023 Thời gian thử nghiệm : 19/05/2023 - 02/06/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				L1	Cột B
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	9.434	-
2	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	21	200

- Vị trí lấy mẫu:

- L1: Mẫu khí thải tại ống thoát khí thải khu vực sản xuất trực máy in 1.

Tọa độ: 21°07'55.85"N, 106°00'19.46"E

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Lê Thị Hạnh

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN_K.4917/02.06.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô A1, Khu CN Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Canon Việt Nam – Chi nhánh Tiên Sơn tại Số 12, đường TS 10, KCN Tiên Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 19/05/2023 Thời gian thử nghiệm : 19/05/2023 - 02/06/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				L2	Cột B
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	9.629	-
2	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	19	200

- Vị trí lấy mẫu:

- L2: Mẫu khí thải tại ống thoát khí thải khu vực sản xuất trực máy in 2.

Tọa độ: 21°07'55.78"N, 106°00'19.46"E

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Lê Thị Hạnh



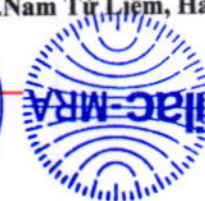
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp
Lần ban hành: 02 Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.cec.org.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN_N.4920/02.06.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô A1, Khu CN Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Canon Việt Nam – Chi nhánh Tiên Sơn tại Số 12, đường TS 10, KCN Tiên Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 19/05/2023 **Thời gian thử nghiệm** : 19/05/2023 - 02/06/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				T102	Cột B
1	Lưu lượng	CEC.QTMT.N-09	m ³ /h	12	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6,3	5,5 ÷ 9
3	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	°C	29,5	40
4	Độ màu ^(a)	TCVN 6185:2015	Pt/Co	112	150
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	130	100
6	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	284	50
7	Nhu cầu oxy hóa học COD	SMEWW 5220C:2017	mg/L	478	150
8	Amoni (NH ₄ ⁺ N) ^(a)	TCVN 5988-1995	mg/L	78	10
9	Tổng Nito ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	104	40
10	Tổng Phospho ^(a)	TCVN 6202:2008	mg/L	8,97	6
11	Clo dư	TCVN 6225-1:2011	mg/L	KPH (MDL=0,3)	2
12	Clorua (Cl ⁻) ^(a)	TCVN 6194:1996	mg/L	116	1.000
13	Xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,1
14	Tổng Phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	0,270	0,5
15	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F-B&D:2017	mg/L	1,35	10
16	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	0,56	0,5
17	Sắt (Fe) ^(a)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,12	5
18	Crom VI (Cr ⁶⁺)	TCVN 6658:2000	mg/L	0,04	0,1
19	Crom III (Cr ³⁺)	SMEWW 3113B:2017 + TCVN 6658:2000	mg/L	KPH (MDL=0,05)	1
20	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	0,08	2
21	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	0,11	3
22	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,5
23	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,01
24	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0002)	0,1



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
- 4 “-”: Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				T102	Cột B
25	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,002)	0,5
26	Asen (As)	SMEWW 3114B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0008)	0,1
27	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,02)	1
28	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	4,8	10
29	Hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (Aldrine)	US.EPA-Method 3510C+ US.EPA Method 3620C+ US.EPA Method 8081B	mg/L	KPH (MDL=0,00001)	0,1
30	Hóa chất BVTV Photpho hữu cơ - (Ethyl Parathion)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	mg/L	KPH (MDL=0,0008)	-
31	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha*	SMEWW 7110B:2017	Bq/L	KPH (MDL=0,02)	0,1
32	Tổng hoạt độ phóng xạ beta*	SMEWW 7110B:2017	Bq/L	KPH (MDL=0,2)	1
33	PCB 52	US.EPA Method 3510C+ US.EPA Method 3620C+ US.EPA Method 8082A	mg/L	KPH (MDL=0,0001)	-
34	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/ 100 mL	21.000	5.000

- Vị trí lấy mẫu:

- T102: Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải.

Tọa độ: 21°07'48.96"N , 106°00'14.70"E

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Chi nhánh Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi trường tại TP. Hồ Chí Minh - Vimcert 321);

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

Lê Thị Hạnh

TL. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. (b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.cec.org.vn



VILAS 1330

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN_N.4921/02.06.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô A1, Khu CN Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Canon Việt Nam – Chi nhánh Tiên Sơn tại Số 12, đường TS 10, KCN Tiên Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 19/05/2023 Thời gian thử nghiệm : 19/05/2023 - 02/06/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				T111	Cột B
1	Lưu lượng	CEC.QTMT.N-09	m ³ /h	11,2	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7,2	5,5 ÷ 9
3	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	°C	29	40
4	Độ màu ^(a)	TCVN 6185:2015	Pt/Co	17	150
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	25	100
6	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	20	50
7	Nhu cầu oxy hóa học COD	SMEWW 5220C:2017	mg/L	32	150
8	Amoni (NH ₄ ⁺ - N) ^(a)	TCVN 5988-1995	mg/L	KPH (MDL=1)	10
9	Tổng Nito ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	14	40
10	Tổng Phospho ^(a)	TCVN 6202:2008	mg/L	2,16	6
11	Clo dư	TCVN 6225-1:2011	mg/L	KPH (MDL=0,3)	2
12	Clorua (Cl ⁻) ^(a)	TCVN 6194:1996	mg/L	91	1.000
13	Xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,1
14	Tổng Phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,5
15	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F-B&D:2017	mg/L	0,78	10
16	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	0,12	0,5
17	Sắt (Fe) ^(a)	TCVN 6177:1996	mg/L	KPH (MDL=0,03)	5
18	Crom VI (Cr ⁶⁺)	TCVN 6658:2000	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,1
19	Crom III (Cr ³⁺)	SMEWW 3113B:2017 + TCVN 6658:2000	mg/L	KPH (MDL=0,05)	1
20	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,02)	2
21	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,02)	3
22	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,5
23	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,01
24	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0002)	0,1
25	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,002)	0,5

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				T111	Cột B
26	Asen (As)	SMEWW 3114B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0008)	0,1
27	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,02)	1
28	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	KPH (MDL=0,3)	10
29	Hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (Aldrine)	US.EPA-Method 3510C+ US.EPA Method 3620C+ US.EPA Method 8081B	mg/L	KPH (MDL=0,00001)	0,1
30	Hóa chất BVTV Photpho hữu cơ - (Ethyl Parathion)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	mg/L	KPH (MDL=0,0008)	-
31	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha*	SMEWW 7110B:2017	Bq/L	KPH (MDL=0,02)	0,1
32	Tổng hoạt độ phóng xạ beta*	SMEWW 7110B:2017	Bq/L	KPH (MDL=0,2)	1
33	PCB 52	US.EPA Method 3510C+ US.EPA Method 3620C+ US.EPA Method 8082A	mg/L	KPH (MDL=0,0001)	-
34	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/ 100 mL	1,8x10 ³	5.000

- Vị trí lấy mẫu:

- T111: Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

Tọa độ: 21°07'49.21"N , 106°00'15.01"E

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Chi nhánh Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi trường tại TP. Hồ Chí Minh - Vimcert 321);

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

Lê Thị Hạnh

TL, GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. (b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022